

NHỮNG GIÁO HUẤN SƠ KHỞI CỦA CÁC CHƠN SƯ
từ năm 1881-1883
THE EARLY TEACHINGS OF THE MASTERS
1881-1883

do **C. JINARAJADASA** biên tập

Bản quyền của Hội Thông Thiên Học Mỹ năm 1923

MỤC LỤC

- Tiết 1:** Dãy Hành Tinh
 - Tiết 2:** Tình trạng Sau khi Chết
 - Tiết 3:** Các Giống dân Chính và Giống dân phụ
 - Tiết 4:** Nguồn gốc Vũ trụ
 - Tiết 5:** Khoa học
 - Tiết 6:** Luân lý và Triết học
 - Tiết 7:** Trí tuệ Vũ trụ
 - Tiết 8:** Quán Thế Âm (Avalokitesvara)
 - Tiết 9:** Ý tưởng của chúng tôi về Điều ác
 - Tiết 10:** Các Chơn linh Hành tinh
 - Tiết 11:** Nguyên sinh khí
- Phụ lục**
- A** – Sự Chết
 - B** – Cõi Devachan và cõi A tỳ
 - C** – Hòa âm của Khứu giác
 - D** – Một số điều bí mật

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Một trường phái tư tưởng mới đang xuất lộ để thách đố những nhân sinh quan đã được chấp nhận từ lâu rồi. Ta có thể nói chủ âm của nó là "sự sáng tạo tiến hóa". Đó là việc trình bày các hiện tượng xung quanh chúng ta theo kiểu vừa lý tưởng vừa hợp khoa học. Nó đưa ra một lời giải thích về sự sống, về nguồn gốc của sự mạnh mún của chúng ta trong vũ trụ, về những định luật thiên nhiên ẩn tàng và bí nhiệm, về bản chất và số phận của con người, điều này vốn hấp dẫn cái trí ưa lý luận bằng một sức hút năng động. Trường phái tư tưởng này đồng thời vừa đả phá ngẫu tượng vừa có tính xây dựng vì nó quét sạch đi những giáo điều cổ hủ vốn không còn đứng vững được nữa dưới ánh sáng của khoa học hiện đại đang phát triển nhanh chóng, trong khi đó nó lại xây dựng một cấu trúc các sự kiện có thực chất ẩn bên dưới giấc mơ ngàn đời về sự bất tử.

Kho tài liệu càng ngày càng nhiều bắt nguồn từ những ý tưởng có tính cách mạng trong địa hạt trí tuệ, thế nhưng lại đáng hoan nghênh đối với một thế giới đang mò mẫm qua bức màn sương mù duy vật, nó đã được hoan nghênh nồng nhiệt ở những xứ khác cho nên ta cần biết nó rõ hơn ở ngay xứ sở này.

Nhà Xuất bản Thông Thiên Học, Chicago, 1923.

PHẦN DẪN NHẬP

Trong năm 1881, có hai người Anh rất tài ba lúc đó đang cư ngụ ở Ấn Độ đã gia nhập Hội Thông Thiên Học. Đó là Alfred Percy Sinnett, Tổng biên tập báo *Tiền Phong* và Allan Octavian Hume vốn giữ một chức vụ rất cao, phục vụ cho chính quyền Anh. Trong quyển *Thế giới Huyền bí* ông Sinnett có tường thuật lại việc bắt đầu tình bạn của mình với bà H. P. Blavatsky. Khi đọc những bức thư của "H. P. B" và hồi ký của Đại tá Olcott vào thời kỳ đó ta có thể hiểu rõ được mối quan hệ giữa bà và hai người đang tìm hiểu Thông Thiên Học này.

Giáo huấn do một số Chơn sư Minh triết dành cho A. P. Sinnett và A. O. Hume có dạng những lời giải đáp cho những thắc mắc mà họ nêu ra. Những người tìm hiểu viết ra các câu hỏi rồi được đưa cho hoặc gửi đến cho H. P. B., bà lúc thì ở Allahabad, Simla hoặc lúc thì ở Bombay, tùy trường hợp mà đang ở chung với họ hay ở cách xa. Phương thức các Chơn sư chọn dùng dường như là đại khái như sau: Đôi khi các Chơn sư dùng phương tiện huyền bí để mang thư về nơi cư ngụ của mình ở Tây Tạng; đôi khi các Ngài đọc thư ở Ấn Độ ngay nơi mà nó được viết ra. Trong một vài trường hợp, sau khi nhận được thư, Chơn sư K. H. chú thích lên trên đó rồi gửi trả lại cho H. P. B. để lưu vào hồ sơ. Nhiều bức thư của ông Sinnett và một bức thư của ông Hume đã được chú giải như thế rồi được H. P. B. lưu vào hồ sơ nay vẫn còn lưu trữ ở Adyar.

Để trả lời thì thư được gửi đi hầu như bằng phép lạ với một kiểu chữ viết tay hoặc là bằng bút chì xanh hoặc đỏ, hay là bằng mực đen hoặc đỏ. Có một trường hợp, một bức thư được viết bằng mực xanh lá cây. Những bức thư này không phải được viết bằng tay mà được *phóng hiện*, nghĩa là chữ viết hiện ra trên giấy bằng một tiến trình mà các Chơn sư sử dụng đòi hỏi phải có chiều đo thứ tư của không gian. Trong các bức thư được phóng hiện ta thấy không có gì khác để phân biệt chúng với một bức thư viết bằng tay. Cũng không có sự khác biệt nào về thủ bút. Cũng giống như bất kỳ người nào khác trong chúng ta, mỗi Chơn sư đều có thủ bút đặc trưng của mình.

Nhưng sự thật đáng chú ý là trong khi thủ bút là riêng cho mỗi Chơn sư thì nó cũng giống như một thủ bút của văn phòng, khi một văn phòng đặc biệt có một vị thủ trưởng đặc biệt. Vậy là một vài đệ tử của Chơn sư M. và Chơn sư K. H. được ủy quyền *phóng hiện* [ủy quyền phóng hiện bằng phương tiện huyền bí chứ không ủy quyền viết tay] bằng thủ bút chính thức của các Ngài. Ta dễ dàng hiểu được điều này miễn là ta nhận ra được rằng các Chơn sư không phải là những ẩn sĩ sống biệt lập trên những sườn núi của rừng Hi mã Lạp sơn quanh năm tuyết phủ, chẳng có việc gì để làm ngoại trừ việc sống trong sự cực lạc thuộc các cõi cao; đúng ra các Ngài là thủ lãnh của các Bộ môn lớn thuộc hoạt động Thế giới, điều động nhiều người làm việc và có rất ít thời giờ rảnh rỗi. Vì vậy, cũng giống như trong một tổ chức doanh nghiệp lớn cũng có thể có một máy đánh chữ đặc biệt dùng cho vị thủ trưởng của tổ chức, nhưng hoàn toàn được phép ủy quyền cho người thư ký riêng sử dụng mỗi khi có dịp; cũng vậy, thủ bút của hai Chơn sư cũng được ủy quyền như thế. Đôi khi các Ngài tự tay viết thư, và điều này đặc biệt trong trường hợp những bức thư ra lệnh cho các người tầm đạo hoặc đệ tử mà các Ngài không thể gây ấn tượng bằng bất kỳ phương tiện huyền bí nào khác. Nhưng thường thì Ngài ra lệnh cho một đệ tử cao cấp phác họa điều mà Ngài phải nói để trả lời cho một câu hỏi. Cố nhiên là cũng giống như bất kỳ vị thủ trưởng nào trong một văn phòng doanh nghiệp, Chơn sư phải chịu trách nhiệm về những phát biểu của thư ký riêng của mình; nhưng điều này không nhất thiết có nghĩa là những từ ngữ thật sự mà người thư ký sử dụng tiêu biểu đầy đủ hoặc thậm chí chính xác cho tư tưởng của Chơn sư.

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể lọc lựa ra những bức thư trực tiếp xuất phát từ Chơn sư so với những bức thư viết qua trung gian. Thư trả lời của Chơn sư M. ngắn gọn, trực tiếp và đầy uy quyền, ít có vẻ của một nhà giáo huấn mà giống như những chú thích bên lề của một bậc quân vương đối với một văn kiện nhà nước. Thư trả lời của Ngài không thường xuyên truyền đạt một sự thách đố toàn bộ cơ sở mà người tìm hiểu tin tưởng dựa vào đó. Phong cách của Chơn sư K. H. mang đậm nét văn chương, cho thấy nói chung (và đôi khi rất đặc thù) Ngài hiểu biết về văn chương và khoa học của phương Tây. Ngài dùng cách châm biếm nhẹ nhàng để diễn tả ý tưởng và đôi khi có thể cực kỳ tài trí. Vì hầu hết giáo huấn đều được đưa ra theo lệnh của Ngài, cho nên ngoại trừ giáo huấn của Chơn sư M., còn thì mọi thứ chứa trong tác phẩm này đều mang nặng dấu ấn của Ngài do Ngài trực tiếp viết ra hoặc chỉ do Ngài giám sát.

Khỏi cần nói thì cũng biết là nếu một đệ tử cao cấp có liên hệ mật thiết với Chơn sư thì y ắt truyền đạt mà rất ít lầm lỗi và có thể mô phỏng lại ngay cả cách hành văn đặc dị của Chơn sư trong thư trả lời. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ rằng vì một bức thư ngẫu nhiên mang thủ bút nổi tiếng của một Chơn sư, nó cũng không nhất thiết lúc nào cũng do chính Chơn sư đó viết. Về vấn đề này phát biểu sau đây của H. P. B. có tính cách soi sáng nhiều nhất.

Phát biểu của H. P. B.

[Phía trước phát biểu này là những lời lẽ sau đây qua thủ bút của bà Gebhard: "Trích từ một bức thư của H. P. Blavatsky đề ngày 24 tháng giêng năm 1886 tại Wurzburg do bà Gebhard chép lại. Nội dung được H. P. B. xác nhận bằng miệng đối với ông bà Gebhard ở Elberfeld vào tháng 6 năm 1886"].

Sáng nay, trước khi nhận được thư của bạn vào lúc 6 giờ, tôi được phép và nhận lệnh Chơn sư để cho bạn hiểu rõ rằng rốt cuộc thì bạn cũng như mọi người Thông Thiên Học chân thành và thật lòng sùng tín thì "*bạn gieo gì bạn sẽ gặt nấy*"; những thắc mắc riêng tư và những lời cầu nguyện cá nhân, những lời giải đáp đóng khung trong tâm trí của những kẻ chưa màng tới các vấn đề đó, tâm trí đó vẫn còn chưa hoàn toàn rũ bỏ những vấn đề thế tục, thì những thư trả lời của các đệ tử và kẻ sơ cơ thường là một điều gì đó phản ánh *tâm trí của chính tôi*, vì các Chơn sư không thể hạ cố trong một lúc nào để nghĩ tới những vấn đề riêng tư *cá nhân* chỉ liên quan tới một người hoặc ngay cả 10 người, tới phúc lợi, phiền não và lạc thú của họ trong cái thế giới Hảo huyền này; các Ngài chẳng thể nghĩ tới điều gì ngoại trừ những vấn đề thật sự có tầm quan trọng đại đồng thế giới. Chính *tất cả các bạn* Thông Thiên Học đã làm sa sút cái lý tưởng về Chơn sư trong tâm trí mình; vô hình trung bằng vào những ý định tốt đẹp nhất, lòng chân thành trọn vẹn nhất, có thiện chí nhất, các bạn đã *hạ bệ* các Ngài bằng cách có lúc nghĩ tới và tin tưởng rằng *các Ngài* phải bận tâm về chuyện làm ăn của các bạn, về những đứa con sắp sinh ra, những đứa con gái sắp gả chồng, những ngôi nhà sắp xây dựng v.v. . . Thế nhưng tất cả các bạn nào nhận được những thông tri như thế hầu như đều chân thành (những người đó chưa được bàn tới theo những định luật đặc biệt khác) cho rằng mình có quyền biết về sự tồn tại của các Đấng mà mình nghĩ rằng có thể dễ dàng giúp được mình cho nên mới mưu cầu sự trợ giúp của các Ngài, cho nên mới có lần ngỗ lời với các Ngài chẳng khác nào một tín đồ độc thần ngỗ lời với vị Thượng Đế nhân hình của mình, y đã hạ bệ *Đấng Bất Khả Tư Nghĩ* cả triệu lần *cao siêu* hơn các Chơn sư bằng cách nài nỉ

Ngài hãy giúp cho y có được một vụ mùa bội thu, giết được kẻ thù của mình và ban cho mình một đứa con trai hoặc con gái cầu tự; vì có được quyền năng theo nghĩa trừu tượng như thế cho nên các Ngài đâu thể nào không thêm đếm xỉa đến bạn và từ chối trả lời bạn, thế rồi phải ra lệnh cho đệ tử thỏa mãn những điều ngô lời đó tới hết mức khả năng của người đệ tử.

Biết bao nhiêu lần chính tôi (chứ không phải Chơn sư) đã xúc động mạnh, sừng sốt đỏ bừng mặt lên vì xấu hổ khi đưa ra những thông điệp viết bằng thủ bút của hai Chơn sư (một dạng chữ viết được chọn dùng cho Hội Thông Thiên Học và được các đệ tử sử dụng, chỉ có điều là không bao giờ được phép hoặc được lệnh đặc biệt của các Ngài với nội dung như thế) phô bày những lỗi lầm về khoa học, ngữ pháp và tư tưởng, được diễn tả bằng cái loại ngôn ngữ đã bị xuyên tạc hoàn toàn ý nghĩa của dự định ban đầu, đôi khi có những thành ngữ mà trong tiếng Tây Tạng, Bắc phạt hoặc bất kỳ ngôn ngữ Á đông nào khác đều có một ý nghĩa khác hẳn, chẳng hạn như trong trường hợp mà tôi sẽ nêu ra sau đây. Để trả lời cho bức thư của ông Sinnett đề cập tới một số điều mâu thuẫn biểu kiến trong quyển *Nữ thần Isis*, người đệ tử được lệnh phóng hiện bức thư trả lời của Chơn sư K. H. có nói: "Ta phải vận dụng hết mọi sự khéo léo của mình để dung hòa hai điều này". Thế mà từ ngữ khéo léo được dùng với nghĩa là ngay thẳng, thật thà, là một từ đã lỗi thời theo nghĩa này và không bao giờ được dùng hiện nay, nhưng có một nghĩa hoàn toàn giống như tôi thấy trong tự điển Webster mà ông Massey, ông Hume và tôi tin rằng ngay cả ông Sinnett nữa cũng hiểu lầm nó có nghĩa là "xảo trá", "xảo quyết", "trí trá", nghĩa là tạo ra một tổ hợp mới để chứng tỏ rằng không có mâu thuẫn. Vì thế cho nên "Chơn sư thú nhận một cách không xấu hổ rằng mình đã khôn khéo dùng kỹ năng để dung hòa các sự việc giống như một luật sư xảo trá nhiều mảnh khé" v.v. . . Giờ đây tôi được ủy nhiệm viết hoặc phóng hiện bức thư, cho nên tôi đã dịch tư tưởng Chơn sư bằng cách dùng từ "khéo léo" theo nghĩa trong từ điển Webster là "tâm hồn cởi mở", "thẳng thắn", "trung thực", không dè dặt, không giấu giếm, vậy là tránh được sự ô nhục cho tính tình của Chơn sư. Tôi đâu có dùng từ ngữ *carbolic acid* thay vì *carbonic acid* v.v. . . Rất hiếm khi Chơn sư K. H. đọc nguyên văn và ngay khi Ngài đọc nguyên văn thì trong thư của ông Sinnett nhận được của Ngài vẫn còn có một vài đoạn cao siêu. Ngài ắt bảo rằng phần còn lại phải viết như thế này và người đệ tử viết ra mà thường không biết một từ tiếng Anh nào cũng giống như giờ đây tôi được lệnh viết bằng tiếng Hebreux, tiếng Hi Lạp và tiếng La Tinh v.v. . . . Do đó điều duy nhất mà người ta có thể quả trách tôi – một sự quả trách mà tôi sẵn sàng cam chịu mặc dù tôi không đáng phải chịu vì chỉ là một công cụ ngoan ngoãn và mù quáng của các qui luật và điều lệ huyền bí – đó là: (1) tá danh của Chơn sư khi tôi nghĩ rằng thẩm quyền của mình chẳng đi đến đâu, khi tôi chân thành tin rằng mình hành động theo ý định của Chơn sư, [Bản thân tôi thấy nhiều lần mình phạm sai lầm và giờ đây tôi bị phạt về điều đó qua việc đóng đinh trên thập giá hằng ngày, hằng giờ. Các huynh tử Thông Thiên Học nhân từ ơi, hãy nhặt những hòn đá lên và ném đá tôi cho đến chết vì để cố gắng làm cho các bạn được sung sướng qua một lời lẽ của các Chơn sư!] và vì ích lợi của chính nghĩa; (2) đã che giấu điều mà các qui luật và điều lệ do tôi cam kết không cho phép tôi tiết lộ mãi đến nay; (3) có lẽ (cũng vì lý do giống như trên) đã khẳng khái là có thông điệp do Chơn sư viết bằng *thủ bút của chính mình*, lúc nào cũng nghĩ theo kiểu giả nhân giả nghĩa. Tôi xin thú nhận rằng "Thật vậy, nó được viết theo lệnh của Ngài và bằng thủ bút của Ngài; xét cho cùng thì tại sao tôi lại phải đi giải thích cho những người không thể hiểu và không hiểu được sự thật, điều này có lẽ chỉ làm cho sự việc tồi tệ hơn".

Có hai hay ba lần hoặc có lẽ nhiều hơn nữa, *khi tôi có mặt*, các bức thư đã được phóng hiện bởi những đệ tử không biết nói tiếng Anh và họ rút ra các ý tưởng cùng với các thành ngữ từ trong đầu của tôi. Các hiện tượng phép lạ về *sự thật và thực tại long trọng* vào thời đó lớn lao hơn bao giờ hết! Thế nhưng họ thường có vẻ nghi ngờ và tôi phải ngậm miệng nhìn xem sự nghi ngờ len lỏi vào tâm trí của những người mà tôi yêu thương và kính trọng nhất, không thể tự biện minh hoặc nói một lời nào. Chỉ có Chơn sư mới biết tôi đau khổ ra sao! Cứ nghĩ xem (một trường hợp với Solovioff ở Elberfeld) khi tôi bệnh liệt giường; một bức thư của ông – bức thư cũ ông nhận được ở Luân đôn mà tôi đã xé đi – lại *tái hiện hình* trong tầm nhìn của chính tôi, tôi nhìn thấy sự vật đó; có 5 hay 6 lần viết *bằng tiếng Nga, chữ viết tay của Chơn sư K. H.* bằng mực xanh lơ, từ ngữ rút ra từ trong đầu tôi, bức thư cũ và nhàu nát chằm chằm lượn *một mình* (thậm chí tôi cũng chẳng thấy nổi cái bàn tay vô hình nào của đệ tử thực hiện công việc đó) băng ngang qua phòng ngủ rồi lướt vào trong đám giấy tờ của ông Solovioff vốn đang ngồi viết ở căn phòng khách nhỏ bé để sửa chữa những bản thảo của tôi; ông Olcott đứng gần ông ta và sau khi đã xử lý tài liệu thì lại đọc ké của ông Solovioff. Khi Solovioff tìm ra bức thư thì tôi thấy trong đầu ông ta lóe lên một tư tưởng bằng tiếng Nga: “Cái ông già bịp bợm (ý nói ông Olcott) ắt đã nhét bức thư vào đây”, và những việc đó xảy ra hằng trăm lần.

Được thôi, sự việc như thế đấy. Tôi đã nói sự thật với bạn trọn cả sự thật và *chẳng có gì khác hơn là sự thật* trong chừng mực mà tôi được phép trình bày. Có nhiều chuyện tôi không có quyền giải thích nếu không muốn bị treo cổ vì điều đó.

Khi những bức thư này được các ông Sinnett và Hume đón nhận thì theo lệnh của Chơn sư K. H., các bản sao cũng được gửi cho H. P. B. và Damodar Mavlankar. Những đoạn trích từ các bức thư thường được gửi cho C. C. Massey ở Luân đôn cũng như những người khác. Khi ngày tháng từ từ trôi qua thì những thông tri này được tích lũy lại. Chính nhờ những bức thư nguyên thủy nhận được từ Chơn sư mà ông Sinnett mới viết được quyển *Phật giáo Bí truyền*. Bản sao của những bức thư này (đôi khi đầy đủ và đôi khi chỉ có những đoạn quan trọng trích dẫn từ đó) đã thuộc quyền sở hữu của các nhà Thông Thiên Học lão thành đáng tin cậy thuộc nhóm xưa cũ của ông Sinnett. Một bản sao như thế thuộc quyền sở hữu của ông C. W. Leadbeater và tôi nhớ là lúc mình còn nhỏ vẫn thường trông thấy nó. Đến khi ở Úc vào năm 1922, tôi có được một bản sao từ quyển sách chép tay của C. W. Leadbeater và tôi mang nó về Adyar. Chỉ khi bản chép tay đã được nhà in xếp chữ rồi thì tôi mới tình cờ hỏi cô Francesca Arundale xem cô có bản sao nào của những giáo huấn sơ khởi không thì cô mới lấy ra ba quyển sách chép tay trao lại cho tôi. Tôi mừng rỡ khi thấy rằng những quyển sách của cô Arundale đầy đủ hơn nhiều so với quyển sách của ông C. W. Leadbeater. Tôi đã rất cẩn thận sao chép lại tất cả mọi thứ có trong những quyển sách đó, gom góp đến mức tối đa thành ra một kiểu mạch lạc cho những giáo huấn sơ khởi này.

Khi sắp xếp tất cả những bức thư đó lại dưới dạng một quyển sách, tôi nghĩ rằng nếu có thể được thì mình nên nhóm nhiều chủ đề đó lại thành sáu Tiết. Việc xếp nhóm quyển sách đó chỉ có tính cách gợi ý và có thể thay đổi nếu ta nghiên cứu tiếp thêm nữa trong một ấn bản tương lai. Tôi không thử hệ thống hóa việc chuyển dịch các từ tiếng Bắc phạn. Chúng ta không được quên rằng vào năm 1881, khi việc nghiên cứu tiếng Bắc phạn chỉ mới ở giai đoạn đầu, thì sự chuyển dịch và ý nghĩa của các thuật ngữ chưa được kết tinh ra hình dạng như hiện nay. Trong một ấn bản tương lai mà tôi hi vọng có nhiều thời giờ rảnh hơn thì mới xuất bản được so với ấn bản kỳ này, việc chuyển dịch các từ tiếng Bắc phạn sẽ được hệ thống hóa.

Tác dụng của những giáo huấn sơ khởi đối với hai người tiếp nhận (ông Sinnett và ông Hume) cũng khác nhau. Chúng ta đều biết ông Sinnett tha thiết đáp ứng và cố được một tầm nhìn nội tại về các thực tại huyền bí đến mức nào. Việc viết quyển *Phật giáo Bí truyền* từ nguồn tài liệu giáo huấn hỗn tạp ban cho ông quả thật là một chiến công hiển hách nhất, và là một cống hiến cao tột đối với năng lực tổng hợp của ông Sinnett. Tác phẩm của ông luôn luôn nổi bật lên là một bản tổng kết xuất sắc của Minh triết Cổ truyền. Ngay từ đầu ông đã không nao núng khi trung thành với Chơn sư và đã ghi danh vào biên niên sử của Hội Thông Thiên Học cũng như được hàng ngàn người biết ơn.

Tác dụng đối với ông Hume thì khác hơn nhiều. Ông Hume vốn xuất sắc về trí tuệ và có khả năng triết học, thấy rằng chính cái trí sắc sảo đó lại là chướng ngại vì lý do đơn giản là ông không có được *sự vô ngã* đúng mức. Ông ưa phê bình hơn là tìm hiểu. Khi ra sức khiến người ta lưu tâm tới thói xấu ngã mạn trí tuệ của ông, Chơn sư K. H. có mô tả khuyết điểm lớn của ông Hume như sau: "Bản ngã của chính con đã lĩnh hội được những điều cốt yếu của mọi sự thật". Ông liên tục bị phiền não vì Chơn sư không dạy bảo ông đủ mọi điều mà ông muốn biết. Hơn nữa, ông không chịu thích ứng để tín nhiệm sự tồn tại của một quan điểm triết học khác về sự vật vốn thuộc về phương Đông mà lại thuộc loại cao siêu hơn quan điểm khoa học của phương Tây. Kết quả là ông không ngừng thiếu thích ứng với những nhu cầu công tác mà Chơn sư muốn thực hiện. Ông không ngộ ra được rằng các Chơn sư đặc biệt không có khuynh hướng giáo huấn thế giới phương Tây về huyền bí học, mà đúng hơn có ý định xây dựng một phong trào Thông Thiên Học vĩ đại, nó sẽ xóa nhòa hàng rào ngăn cách các chủng tộc, tín điều, giới tính, giai cấp và màu da ở khắp nơi trên thế giới. Ông Sinnett cũng phần nào chia xẻ thái độ của ông Hume, nhưng cuối cùng ông đã tự thích ứng trong một chừng mực nào đó với các nhu cầu của Hội Thông Thiên Học, coi đó là một *Phong trào*, còn ông Hume nói ngắn gọn thì chỉ quan tâm nhiều tới kiến thức huyền bí học chứ chẳng quan tâm gì tới Hội Thông Thiên Học; đối với ông, Hội chỉ tuyên cáo một phúc âm sáo mòn về Tình Huynh Đệ.

Dần dần chỉ nội trong vòng đời ba năm, sự phân ly giữa ông và các bậc Đạo sư huyền bí đã mở rộng đến nỗi cuối cùng ông hoàn toàn không chú ý gì tới trọn cả phong trào nữa. Tuy nhiên ảnh hưởng từ phía bên kia Hi mã Lạp sơn cũng đủ khơi dậy trực giác của ông với một vấn đề lớn của Ấn Độ. Do đó khi về hưu không làm việc cho chính quyền nữa, ông đã toàn tâm toàn ý kích thích ý thức chính trị của người Ấn Độ. Phần lớn do kết quả hai bài viết của ông về vấn đề chính trị mà Nghị hội Quốc gia Ấn Độ mới được khai sinh vào năm 1885, và từ đó trở đi ông Hume rất xứng đáng với cái tước hiệu biết ơn mà người Ấn Độ dành cho ông là "Cha đẻ của Nghị viện Quốc gia Ấn Độ".

Nhân tiện, tôi xin nói mọi sự phục hưng hiện nay về mặt chính trị của Ấn Độ đều là một phần ý định nguyên thủy của các Chơn sư, vì vào năm 1882-1883, Chơn sư K. H. có toan tính lập nên một tờ báo bằng tiếng Anh để kích thích tinh thần quốc gia và ý thức chính trị của người Ấn Độ. Chẳng bao lâu sau, khi ông Sinnett quan tâm tới các bậc Đạo sư huyền bí khiến tư tưởng của ông bắt đầu bị ảnh hưởng, thì những người chủ sở hữu của tờ báo *Tiền Phong* (mà ông là Tổng biên tập) bắt đầu không ưa cái giọng điệu phóng khoáng xuất hiện trên tờ báo khi đề cập tới những vấn đề của Ấn Độ. Thế là ông Sinnett nhận được thông báo trong vòng một năm phải cắt đứt quan hệ với tờ *Tiền Phong*. Chính lúc này Chơn sư K. H. muốn lập nên một tờ báo tiếng Anh tên là *Phượng Hoàng*. Tờ báo này sẽ được tổ chức bằng vốn liếng của tư sản dân tộc Ấn Độ, nhưng do ông Sinnett làm Tổng biên tập. Trong gần một năm, đủ thứ toan tính đã được thực hiện để huy động vốn nhưng cuối cùng thì kế hoạch này không thành công và ông Sinnett

không trở lại Ấn Độ nữa sau khi thời hạn cam kết của ông với tờ *Tiền Phong* đã kết thúc. [Xem Bức thư thứ XIV trong quyển *Thư của các Chơn sư Minh triết*, quyển I].

Những người nào tiếp xúc với công trình ngày nay của các nhà Thông Thiên Học ắt sẽ bị xúc động rất mạnh bởi một giai đoạn mà Thông Thiên Học quan tâm nhưng tuyệt nhiên không được trình bày trong quyển sách này. Ngày nay vấn đề Tình Huynh Đệ và Xây dựng lại Xã hội có tầm quan trọng sống còn trong tâm trí của các nhà Thông Thiên Học đến nỗi họ ắt ngạc nhiên khi thấy không có một vấn đề nào đặc biệt quan tâm tới việc Xây dựng lại mà được các Chơn sư xiển dương; các bậc Đạo sư không đi chệch khỏi con đường xiển dương mọi điều mà mình phải trình bày, nhưng chỉ trả lời những câu hỏi được nêu ra. Nhưng ta không được quên rằng ngay cả khi *giáo huấn* được ban cho ông Sinnett và ông Hume thì *công việc* của các Chơn sư vẫn được thực hiện bởi H. P. B. và Đại tá Olcott. Hai nhà Sáng lập lúc nào cũng tuyên cáo và ứng dụng phúc âm về Tình Huynh Đệ, mặc dù nói ngắn gọn thì cả ông Sinnett lẫn ông Hume đều rất nghi ngờ về tính ích lợi thực sự do việc tâm linh hóa thế gian bằng cách tuyên cáo ý tưởng Tình Huynh Đệ. Họ chủ trương rằng nếu muốn gây ảnh hưởng tới thế giới phương Tây để cho nó cai nghiện chủ nghĩa Duy vật, thì chỉ có cách phải cung cấp cho nó kiến thức huyền bí học và bất kỳ toán tính nào nhằm "trộn lẫn Tình Huynh Đệ với Huyền bí học" tất yếu sẽ có nghĩa là về lâu về dài Hội Thông Thiên Học sẽ sụp đổ. Lại nữa, ở đâu có bất kỳ gợi ý nào mà các Chơn sư đưa ra về công việc thực tế nhằm thu hẹp khoảng cách ở Ấn Độ giữa người Ấn và người Anh, thì những lời bóng gió của các Ngài hiếm khi được để vào tai và hai người Anh không ngừng lải nhải sự kiện là họ biết đầu óc của người phương Tây nhiều hơn các Chơn sư biết.

Cuối cùng các ông Sinnett và Hume cứ khăng khăng với thái độ đó đến nỗi vấn đề hầu như đi đến chỗ bế tắc. Lúc bấy giờ vị Đại Sư phụ mà ta biết là "Đức Văn minh Đại đế" mới nêu ra những nguyên tắc tổng quát đặt nền móng cho phong trào Thông Thiên Học vốn thoát thai từ các Chơn sư. Những nhận xét của Đức Văn minh Đại đế mà Chơn sư K. H. có tường thuật lại cho ông Sinnett xuất hiện thành "Bức thư số 1" trong quyển sách nhỏ *Thư của các Chơn sư Minh triết* quyển I.

Một sinh viên tha thiết muốn có được ý tưởng bao quát về giáo huấn và chỉ thị của Chơn sư vào thời đó thì nên đọc thêm quyển sách nhỏ nêu trên, *Thư của các Chơn sư Minh triết* kèm theo quyển sách này. Từ khi tác phẩm đó được xuất bản thì tôi đã gom góp được thêm nhiều bức thư khác của Chơn sư và tôi hi vọng rằng chẳng bao lâu nữa quyển thứ nhì sẽ xuất hiện. Ngoài những ấn phẩm đó ra, ta còn phải biên soạn một quyển sách bao gồm những bức thư tương đối riêng tư của Chơn sư M. và Chơn sư K. H. gửi ông Sinnett. Những bức thư nguyên thủy bao giờ cũng do ông Sinnett giữ, nhưng bản sao của những bức thư đó mà được ông cho phép thì vẫn có ở Adyar. Khi ta đã đọc và suy gẫm tất cả những quyển sách này (vốn ghi lại sự dẫn dắt và giáo huấn của các Chơn sư trong buổi sơ khai của Hội Thông Thiên Học) thì ta giờ đây có thể bước rồ ráo vào "thế giới của các Chơn sư" mà các Ngài mời gọi chúng ta bước vào khi các Ngài chia xẻ với chúng ta một số kiến thức vô giá.

C. Jinarajadasa